

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 96/2026/DS - PT

Ngày 16/4/2026

“V/v Tranh chấp yêu cầu tuyên bố
Hợp đồng tặng cho tài sản vô hiệu,
chia tài sản chung của hộ gia đình
và yêu cầu chia di sản thừa kế”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Nguyễn Xuân Trọng;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền và ông Nguyễn Duy Sơn;

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Lê Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 308/2025/TLPT-DS ngày 18/12/2025 về việc “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tặng cho tài sản vô hiệu, chia tài sản chung của hộ gia đình và yêu cầu chia di sản thừa kế”. Do bản án Dân sự sơ thẩm số 67/2025/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ có kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 73/2026/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Ngô Văn T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn D, xã T, tỉnh Phú Thọ, “Có mặt”.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh T: Ông Nguyễn Khánh H, sinh năm 1983; địa chỉ: Số nhà B, Đường K, xã V, tỉnh Phú Thọ, “Có mặt”.

- Bị đơn: Bà Đinh Thị T1 sinh năm 1947; địa chỉ: Thôn D, xã T, tỉnh Phú Thọ, “Có mặt”.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phùng Thị Thanh N, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn D, xã T, tỉnh Phú

Thọ, “Có mặt”.

2. Anh Ngô Quang H1, sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn D, xã T, tỉnh Phú Thọ, “Có mặt”.

3. Chị Ngô Thị T2, sinh năm 2006; địa chỉ: Thôn D, xã T, tỉnh Phú Thọ, “Có mặt”.

4. Chị Ngô Thị K1, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Phú Thọ, “Vắng mặt”.

5. Anh Vũ Tuấn K, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Phú Thọ, “Vắng mặt”.

- *Người kháng cáo:* Bà Đinh Thị T1, bà Phùng Thị Thanh N, anh Ngô Quang H1, chị Ngô Thị T2 và anh Vũ Tuấn K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 12 năm 2024 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Khánh H trình bày:

Anh Ngô Văn T là cháu nội của bà Đinh Thị T1, gia đình anh Ngô Văn T có 01 thửa đất thổ cư số 554, tờ bản đồ số 11 diện tích 192m² ở địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (Nay là thôn D, xã T, tỉnh Phú Thọ), đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) số M 055193, vào sổ cấp giấy số 0589 do UBND huyện V cấp ngày 20/05/2000, đứng tên chủ sử dụng là hộ bà Đinh Thị T1. Tại thời điểm ngày 20/05/2000 gia đình bà T1 có 05 thành viên là bà Đinh Thị T1, ông Ngô Quang T3, bà Phùng Thị T4, bà Ngô Thị Kim K1 và anh Ngô Văn T. Thửa đất trên được đo đạc lại theo Trích lục bản đồ địa chính do Văn phòng Đ1 chi nhánh huyện V cấp ngày 05/02/2021, là thửa đất số 816, tờ bản đồ số 9, diện tích 199,4 m² (Trong đó đất ONT = 192 m² và đất CLN = 7,4m²).

Xác định đây là tài sản chung của gia đình anh T, do các thành viên trong gia đình đóng góp, cùng nhau tạo lập nên. Do vậy các thành viên có quyền ngang nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung. Hiện nay bố anh T là ông Ngô Quang T3 đã chết năm 2009, sau khi bố anh T chết, anh T đã nhiều lần trao đổi với bà Đinh Thị T1 về việc thực hiện thủ tục phân chia di sản thừa kế do bố anh để lại, và chia tài sản chung của hộ gia đình là quyền sử dụng đất có thông tin nêu trên, nhưng bà T1 không đồng ý. Bà T1 cho rằng thửa đất này là tài sản riêng của bà, các thành viên khác không có bất cứ sự đóng góp nào vào việc tạo lập khối tài sản đó.

Vì vậy anh T đã có đơn khởi kiện đối với bà Đinh Thị T1 về việc yêu cầu phân chia tài sản chung của hộ gia đình và phân chia di sản thừa kế của bố anh để lại. Anh T xin được chia bằng hiện vật để lấy nơi ăn ở, vì hiện nay anh đang phải ở nhờ nhà mẹ đẻ là bà Phùng Thị T4, mặt khác anh T là cháu trai trưởng trong gia đình, nên anh xin sử dụng một phần đất để sau này làm nơi thờ cúng bố và gia đình tổ tiên. Anh sẽ thanh toán giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế khác. Đối với tài sản trên đất anh T nhất trí thanh toán giá trị tài sản trả cho mẹ con bà N.

Tại phiên toà ngày 09/10/2025 người đại diện theo uỷ quyền của bà Đinh Thị T1 đã nộp GCNQSDĐ số DM 032328 cấp ngày 13/7/2023, đứng tên anh Ngô Quang H1 đối với thửa đất số 816, tờ bản đồ số 9 diện tích 199,4m² ở thôn D, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ), nguồn gốc là do nhận tặng cho quyền sử dụng đất của bà Đinh Thị T1. Việc tặng cho quyền sử dụng đất trong khi chưa có sự đồng ý của chị K1 và anh T nên nguyên đơn yêu cầu bổ sung đơn khởi kiện, đề nghị Toà án tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Đinh Thị T1 và anh Ngô Quang H1 là vô hiệu, đồng thời yêu cầu Huỷ GCNQSDĐ số DM 032328 cấp ngày 13/7/2023 đứng tên anh H1 đối với thửa đất nói trên.

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Trần Thị N1 trình bày: Bà Đinh Thị T1 có thửa đất thổ cư số 554, tờ bản đồ số 11, diện tích 192m² ở khu hành chính số D, xã V (cũ) nay là xã T, tỉnh Phú Thọ. Nguồn gốc thửa đất này là do bà T1 đổi thửa đất của ông cha để lại cho riêng bà T1 (thửa đất do mẹ bà để lại từ năm 1990), sau đó bà đã đổi cho ông Nguyễn Văn V, khi đổi đất thì hai bên chỉ thoả thuận miệng với nhau, không có văn bản giấy tờ gì, bà T1 phải trả thêm cho ông V số tiền 13.500.000 đồng. Năm 2000 bà Đinh Thị T1 đã được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất nêu trên. Mặc dù GCNQSDĐ đứng tên hộ bà T1 nhưng đó là tài sản cá nhân của bà T1, không liên quan gì đến các thành viên khác trong hộ gia đình.

Mặt khác, năm 2001 khi vợ chồng ông T3 và bà T4 ly hôn thì đã giải quyết về công sức cho bà T4, năm 2009 thì ông T3 chết, bản thân ông T3 ở cùng bà T1 từ năm 1996 (khi đổi đất) cho đến năm 2001 ông T3 ly hôn vợ là bà Phùng Thị T4, năm 2002 ông T3 kết hôn với bà Phùng Thị Thanh N. Từ năm 2002 vợ chồng ông bà Trung N2 ở cùng bà T1, ông T3 và bà N2 có 02 con chung là anh Ngô Quang H1 sinh năm 2003 và chị Ngô Thị T2 sinh năm 2006. Ba mẹ con bà N2 đang ở cùng bà T1 nhưng quyền sử dụng đất là của riêng bà T1 không có liên quan gì đến mẹ con bà N2. Khi ông T3 và bà T4 ly hôn thì anh Ngô Quang T5 được giao cho mẹ là bà Phùng Thị T4 nuôi dưỡng, còn chị Ngô Thị K1 ở với bà T1 và ông T3, sau khi ông T3 chết thì chị K1 ở cùng bà T1 và

đến nay chị K1 đã kết hôn và ở riêng.

Nay quan điểm của bà T1 cho rằng, đó là đất của riêng bà T1, anh T5 không có quyền yêu cầu chia đất của bà nên bà T1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh T5. Về văn bản giấy giao quyền sử dụng nhà đất ngày 08/5/1997 của ông Nguyễn Văn V do anh T5 cung cấp cho Toà án là không đúng sự thật, mà do các bên tự lập văn bản không nên bà không nhất trí với văn bản đó, vì lý do bà đổi đất từ tháng 3/1996 không phải là năm 1997. Tại phiên toà ngày 09/10/2025 bà Đinh Thị T1 đã nộp GCNQSDĐ số DM 032328 cấp ngày 13/7/2023 đứng tên anh Ngô Quang H1 đối với thửa đất số 816, tờ bản đồ số 9 diện tích 199,4m² ở thôn D, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ), nguồn gốc là do nhận tặng cho quyền sử dụng đất của bà Đinh Thị T1. Do thửa đất là tài sản riêng của bà T1 nên bà T1 có quyền tặng cho ai là quyền của bà T1, hiện nay thửa đất đứng tên anh H1 nên bà không có quyền và nghĩa vụ gì đối với tài sản nói trên nữa. Bà T1 không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp Toà án xem xét giải quyết đối với yêu cầu chia di sản thừa kế là công sức của ông T3, thì bà T1 tặng cho toàn bộ kỹ phần thừa kế được hưởng cho anh H1. Tài sản trên đất hiện nay bao gồm nhà xây ba tầng và gian quán bán hàng là của mẹ con bà N2, không phải tài sản của bà. Đối với gian quán bán hàng hiện nay anh H1 đã ký Hợp đồng cho thuê thời hạn 10 năm với anh Vũ Tuấn K và gia đình anh K đang sử dụng tài sản thuê.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Chị Ngô Thị T2 vắng mặt tại phiên toà, nhưng tại bản tự khai ngày 22/5/2025 chị T2 trình bày: Chị là con gái của ông Ngô Quang T3 và bà Phùng Thị Thanh N, bố mẹ chị sinh được hai anh em là Ngô Quang H1 và chị là Ngô Thị T2. Hiện nay ba mẹ con chị đang ở cùng với bà nội là Đinh Thị T1, trên thửa đất mà hiện nay anh T5 đang đi khởi kiện đối với bà nội chị. Khoảng năm 2024 gia đình chị có xây nhà ở trên đất, toàn bộ tài sản trên đất là của mẹ con chị và bà nội làm nên, quyền sử dụng đất là của riêng bà nội chị, mẹ con chị không có liên quan gì, sau này bà nội cho ai là quyền của bà, chị không có ý kiến gì. Về yêu cầu khởi kiện của anh T5 thì chị không đồng ý, vì đó là đất của bà nội chị, chị không có yêu cầu đề nghị gì. Hiện nay chị đang học tại Trường Cao Đẳng S nên không có thời gian để đến Toà án tham gia giải quyết vụ án, chị xin được giải quyết vắng mặt, ý kiến của chị cũng như ý kiến của mẹ chị và bà nội chị đã trình bày. Chị uỷ quyền toàn bộ cho mẹ và bà nội chị làm việc với Toà án.

- Chị Ngô Thị K1 trình bày: Chị là con gái của ông Ngô Quang T3 và bà Phùng Thị T4, bà Đinh Thị T1 là bà nội chị. Bố mẹ chị sinh được hai chị em là chị và em trai là Ngô Văn T. Năm 2001 sau khi bố mẹ ly hôn thì chị ở với bố và

bà nội còn em trai Ngô Văn T ở cùng mẹ. Sau khi ly hôn thì bố chị kết hôn với bà Phùng Thị N và sinh được 02 người con chung là Ngô Quang H1 sinh năm 2003 và Ngô Thị T2 sinh năm 2006. Khi bố còn sống thì ở cùng với bà nội là Đinh Thị T1 trên thửa đất thổ cư số 554, tờ bản đồ số 11 diện tích 192m² đứng tên bà nội là đại diện hộ gia đình. Hiện nay thửa đất trên được đo đạc lại theo Trích lục bản đồ địa chính do Văn phòng Đ1 chi nhánh huyện V cấp ngày 05/02/2021 là thửa đất số 816, Tờ bản đồ số 9, diện tích 199,4 m² ở tổ dân phố V, xã T, tỉnh Phú Thọ. Đây là tài sản chung của gia đình chị, do các thành viên trong gia đình đóng góp, cùng nhau tạo lập nên.

Bố chị là ông Ngô Quang T3 chết năm 2009, khi bố chết không để lại di chúc gì. Sau khi bố chị chết thì chị vẫn ở cùng bà nội cho đến năm 2011 thì chị kết hôn và ở riêng. Nay em trai chị có đơn khởi kiện bà nội chị đề nghị Toà án giải quyết việc phân chia tài sản chung của hộ gia đình là Quyền sử dụng đất nói trên và yêu cầu chia di sản thừa kế phần tài sản của bố chị để lại, thì quan điểm chị cũng nhất trí đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật, phần tài sản chị được chia và di sản thừa kế mà chị được hưởng thì chị tự nguyện cho em trai là Ngô Văn T toàn quyền sử dụng thay cho chị và chị không yêu cầu em trai chị phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho chị. Tại phiên toà chị nhất trí với toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của em trai chị và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Bà Phùng Thị Thanh N trình bày: Về nguồn gốc đất và tài sản trên đất theo như bà T1 đã trình bày là đúng, bà kết hôn cùng ông T3 và về chung sống cùng gia đình bà T1 và ông T3 từ năm 2002, quá trình chung sống bà và ông T3 sinh được 02 người con chung là Ngô Thị T2 và Ngô Quang H1, đến năm 2009 ông T3 chết, trước khi chết không để lại di chúc gì. Sau khi ông T3 chết, mẹ con bà đã phải đứng ra trả các khoản nợ của ông T3 khi còn sống đã vay tiền và vàng để chăn nuôi rắn bao gồm: Ông Đinh Duy H2 20 triệu đồng, Đinh Văn L 20 triệu đồng, Đinh Văn T6 15 triệu đồng, Đinh Văn Q 05 triệu đồng, Phùng Thị L1 1,6 cây vàng, ông Phùng Việt Đ 03 cây vàng, ông Nguyễn Đức H3 30 triệu đồng, chị Vũ Thị L2 18 triệu đồng.

Trường hợp anh T không có đơn khởi kiện thì bà không yêu cầu Toà án giải quyết số nợ trên, nhưng nếu anh T yêu cầu chia di sản thừa kế của ông T3 để lại, thì bà cũng yêu cầu giải quyết các khoản nợ của ông T3 để lại. Đối với tài sản trên đất là do mẹ con bà làm, cụ thể nhà xây 3 tầng làm hết hơn 1 tỷ đồng và 01 gian quán đang cho thuê trị giá 200 triệu đồng. Nay quan điểm bà không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên toà bà N đề nghị tặng cho anh H1 toàn bộ quyền sử dụng đất của bà và tài sản trên đất cho anh H1.

- Anh Ngô Quang H1 trình bày: Anh nhất trí theo như bà Phùng Thị Thanh N là mẹ đã trình bày ở trên, anh không trình bày bổ sung gì thêm và quan điểm đề nghị Toà án giải quyết theo như bà N và bà T1 đã trình bày. Đối với tài sản anh đang cho thuê theo hợp đồng với anh Vũ Tuấn K là đúng, anh K đã trả đủ tiền thuê mặt bằng trong thời gian 05 năm và anh đã nhận đủ số tiền 125 triệu đồng, do vậy anh đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Nay anh xác định toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là của anh, đã được bà nội và mẹ anh tặng cho.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/10/2025 anh Vũ Tuấn K trình bày: Ngày 10/02/2025 anh có ký Hợp đồng thuê mặt bằng với anh Ngô Quang H1 sinh năm 2003 (là cháu nội của bà Đinh Thị T1). Theo nội dung Hợp đồng thì hai bên đã thoả thuận anh thuê toàn bộ phần diện tích khoảng 50m², trên đất có 01 nhà xây lợp mái tôn cách nhiệt, mục đích là thuê để làm quán bán hàng các loại bánh. Thời hạn thuê là 10 năm kể từ ngày 10/02/2025 đến ngày 10/02/2035, giá thuê 05 năm đầu là 25 triệu đồng/năm, 05 năm tiếp theo hai bên sẽ thoả thuận lại về giá thuê và anh đã trả đủ số tiền thuê trong 05 năm là 125 triệu đồng. Khi đến thuê mặt bằng anh có sửa chữa và làm vách ngăn hết tổng chi phí là 10 triệu đồng. Nay có việc tranh chấp đất giữa anh T với cụ T1 anh đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật. Trường hợp mặt bằng được giao cho người khác mà anh không được thuê lại, tức là do anh H1 phá vỡ hợp đồng thì anh H1 phải bồi thường trả anh số tiền đã sửa chữa là 10 triệu đồng và thiệt hại do phá vỡ hợp đồng là 500.000.000đồng (đã quy định tại Điều 3 của Hợp đồng thuê mặt bằng đã lập giữa anh với anh H1). Do điều kiện công việc nên anh đề nghị Toà án xét xử vắng mặt anh.

- Xác minh tại UBND xã T ngày 13/6/2025 được biết: Gia đình bà Đinh Thị T1 có thửa đất thổ cư số 554, tờ bản đồ số 11, diện tích 192 m² ở địa chỉ Tổ dân phố V, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (Nay là xã T, tỉnh Phú Thọ). Nguồn gốc đất là do gia đình bà T1 nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn V. Căn cứ theo bản đồ đo đạc năm 1993 và sổ đo đạc năm 1993 thể hiện thửa đất số 554, tờ bản đồ số 11, diện tích 259m² chủ sử dụng là Nguyễn Văn V. Căn cứ vào sổ mục kê lập năm 2000 (theo đo đạc năm 1993) thể hiện: Thửa đất số 554, tờ bản đồ số 11, diện tích 192m² chủ sử dụng là Nguyễn Văn V. Căn cứ theo sổ cấp GCNQSDĐ thể hiện: Tại trang số 32, số thứ tự cấp giấy 0589, tên chủ sử dụng Đinh Thị T1, diện tích 192m².

Lý do diện tích cấp giấy chứng nhận và theo sổ mục kê thể hiện 192m² là vì thửa đất của gia đình ông V đã được tách thửa làm 2 phần, 1 phần cho con trai ông V và 1 phần diện tích 192m² ông V chuyển nhượng cho gia đình bà T1. Hiện nay thửa đất do gia đình bà T1 đang quản lý sử dụng. Về hiện trạng thửa

đất hiện nay trên đất có 2 công trình xây dựng cụ thể: 01 nhà ba tầng hiện nay bà T1 cùng mẹ con chị N đang quản lý sử dụng, 01 nhà cấp bốn (gian quán bán hàng) hiện đang cho thuê. Căn cứ vào bản đồ VN 2000 thể hiện thửa đất số 816, tờ bản đồ số 09, diện tích 199,4m² tên chủ sử dụng hộ bà Đinh Thị T1.

Về quan hệ gia đình của bà T1: Ông Ngô Quang T3 là con trai của bà Đinh Thị T1, ông T3 chết năm 2009, có vợ là bà Phùng Thị T4 (đã ly hôn năm 2001) và 02 con chung với bà T4 là anh Ngô Văn T và chị Ngô Thị K1. Sau khi ly hôn với bà T4, ông T3 có kết hôn với bà Phùng Thị Thanh N và có 02 con chung với chị Nghĩa là Ngô Thị T2, sinh năm 2006 và Ngô Quang H1 sinh năm 2003. Hiện nay bà T1, chị N, cháu T2 và cháu H1 đang ở cùng nhau. Tại thời điểm năm 2000 thì hộ khẩu của gia đình bà T1 bao gồm các thành viên sau: Bà Đinh Thị T1, ông Ngô Quang T3, bà Phùng Thị T4, chị Ngô Thị K1 và anh Ngô Văn T. Năm 2001 ông Ngô Quang T3 và bà Phùng Thị T4 đã được TAND huyện Vĩnh Tường giải quyết ly hôn. Sau khi ly hôn anh T ở cùng bà T4, còn chị K1 ở cùng ông T3 và bà nội là bà Đinh Thị T1.

Nay anh T có đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung hộ gia đình và chia di sản thừa kế của ông Ngô Quang T3 để lại thì quan điểm địa phương đề nghị Tòa án nhân xem xét, giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Với các nội dung như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 67/2025/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Phú Thọ đã quyết định: Căn cứ vào các Điều 116, 117, 122, 123, 212, 357, 457, 459, 468, 609, 612, 613, 649, 650, 651 và 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 166 và 188 của Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Ngô Văn T về việc Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu, yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của ông Ngô Quang T3 để lại.

1. Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 20/6/2023 giữa cụ Đinh Thị T1 và anh Ngô Quang H1 đối với thửa đất số 816, tờ bản đồ số 9, diện tích theo bản đồ VN 199,4 m² đứng tên hộ bà Đinh Thị T1 là vô hiệu.

2. Về chia tài sản chung hộ gia đình: Xác nhận thửa đất số 554, tờ bản đồ số 11, diện tích theo GCNQSDĐ được cấp là 192 m² (Theo bản đồ VN 200 là thửa số 816, tờ bản đồ số 09, diện tích 199,4 m²), diện tích đất thực tế đo đạc là 193m² đã được cấp GCNQSDĐ đứng tên hộ bà Đinh Thị T1 ở tại thôn D, xã T,

tỉnh Phú Thọ là tài sản chung của bà Đinh Thị T1 và ông Ngô Quang T3, trong đó phần công sức đóng góp của ông T3 được chia là 76,3m² đất nằm trong tổng diện tích đất nói trên. Diện tích đất còn lại của thửa đất do cụ Đinh Thị T1 tặng cho anh Ngô Quang H1 nên anh H1 được quyền quản lý, sử dụng.

3. Về việc chia thừa kế:

Chia cho anh Ngô Văn T được quyền sử dụng diện tích đất 76,3m² trong thửa đất số 554, tờ bản đồ số 11 đứng tên hộ bà Đinh Thị T1 (Nay là thửa đất số 816, tờ bản đồ số 9 đứng tên anh Ngô Quang H1) được xác định bởi các chỉ giới 3, 4, 5, 6, 7, 3 (Có sơ đồ chi tiết kèm theo) cùng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất nói trên;

Anh Ngô Văn T có nghĩa vụ thanh toán kỹ phần thừa kế bằng tiền cho anh Ngô Quang H1 571.500.000đồng và chị T2 190.500.000đồng.

Xác nhận anh Ngô Văn T tự nguyện thanh toán tiền tài sản trên đất được giao cho anh H1 là 200.000.000đồng. Tổng cộng anh T phải có nghĩa vụ thanh toán trả anh H1 và chị T2 là 962.000.000đồng.

Giao cho anh Ngô Quang H1 được quyền sử dụng phần diện tích đất còn lại của thửa đất số 554, tờ bản đồ số 11 đứng tên hộ bà Đinh Thị T1 (Nay là thửa đất số 816, tờ bản đồ số 9 đứng tên anh Ngô Quang H1) được xác định bởi các chỉ giới 1,2,3,7,8,9,1 (Có sơ đồ chi tiết kèm theo) cùng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất nói trên.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/11 và ngày 24/11/2025 bà Phùng Thị Thanh N, anh Vũ Tuấn K, bà Đinh Thị T1, chị Ngô Thị T2 và anh Ngô Quang H1 có đơn kháng cáo, đều đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm bà T1, bà N và anh H1 giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Vũ Tuấn K.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của Bà Đinh Thị T1, bà Phùng Thị Thanh N, anh Ngô Quang H1 và chị Ngô Thị T2, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2025/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Phú Thọ. Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà T1, bà N, anh H1, chị T2 và anh K làm trong hạn luật định, đơn hợp lệ được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền và xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng.

[1.1]. Đối với anh K, chị K1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh K và xét xử vắng mặt đối với chị K1.

[2]. Về nội dung vụ án, đối với yêu cầu chia tài sản chung: Ngày 20/5/2000, hộ bà Đinh Thị T1 được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ số M 055193, số vào sổ cấp giấy 0589, đối với thửa đất số 554, tờ bản đồ số 11, diện tích 192m² (thông tin thửa đất theo bản đồ hệ tọa độ VN 2000 là thửa đất số 816, tờ bản đồ số 9, diện tích 199,4m²) địa chỉ tại: Thôn D, xã T, tỉnh Phú Thọ. Đối với thửa đất trên, căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/6/2025, thì thửa đất nêu trên có diện tích thực tế là 193m². Tại phiên toà sơ thẩm các đương sự đều nhất trí với diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế, do đó Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ diện tích đất, theo kết quả đo đạc thực tế để giải quyết là có căn cứ, đúng quy định.

[3]. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận, hộ bà T1 có các thành viên gồm: Bà Đinh Thị T7, ông Ngô Quang T3, bà Phùng Thị T4, chị Ngô Thị K1 và anh Ngô Văn T. Mặc dù thửa đất nêu trên được cấp cho hộ gia đình bà T7, tuy nhiên xem xét về nguồn gốc, quá trình hình thành thửa đất, công sức đóng góp của các thành viên trong hộ gia đình thấy rằng:

[3.1]. Về nguồn gốc: Thửa đất trên là do bà T7 đổi thửa đất mà bà được hưởng thừa kế của bố mẹ cho người khác, để lấy thửa đất như hiện nay. Về công sức đóng góp của các thành viên trong hộ gia đình: Đối với chị Ngô Thị K1 và anh Ngô Văn T trong quá trình sử dụng đất, đổi đất và tại thời điểm cấp GCNQSDĐ thì chị K1, anh T đều còn nhỏ, sống phụ thuộc vào gia đình, nên không có công sức đóng góp gì cho việc hình thành thửa đất. Đối với bà Phùng Thị T4 thì quá trình sử dụng đất, đổi đất bà T4 có đóng góp một phần công sức vào việc hình thành thửa đất. Tại bản án số 20/LHST ngày 28/6/2001 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường (cũ) và Bản án số 31/LHPT ngày 20/9/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (cũ), giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và

gia đình giữa ông Ngô Quang T3 và bà Phùng Thị T4, đã xem xét tính công sức cho bà T4 trong việc hình thành khối tài sản chung của hộ gia đình và buộc ông T3, bà T7 phải thanh toán công sức cho bà T4 số tiền 7.500.000đ. Do vậy, thửa đất nêu trên không còn liên quan đến bà T4 nữa.

[3.2]. Đối với ông Ngô Quang T3: Mặc dù thửa đất nêu trên có nguồn gốc chính từ việc bà T7 đổi đất, tuy nhiên thực tế và quá trình quản lý sử dụng các đương sự đều thừa nhận, ông T3 có thời gian rất dài chung sống cùng bà T7, ông T3 sinh sống cùng bà T7 từ bé, cho đến khi chết là năm 2009. Ông T3 có công sức duy trì, tôn tạo tài sản và cùng với bà T7 thanh toán công sức cho bà T4 số tiền 7.500.000đ (khi ông T3 và bà T4 ly hôn). Do đó, cấp sơ thẩm xác định ông T3 có công sức trong việc hình thành khối tài sản chung, là quyền sử dụng thửa đất số thửa đất số 816, tờ bản đồ số 9 và có một phần quyền sử dụng đất trong tổng diện tích đất đứng tên bà T7. Cấp sơ thẩm sau khi xem xét công sức đóng góp của ông T3 và bà T7 trong việc tạo lập, hình thành khối tài sản chung của hộ gia đình là thửa đất số 816 nêu trên và phân chia ông T3 được hưởng 76,3m² đất ở, bà T7 được hưởng 116,7m² (trong đó có 01m² đất vườn) về cơ bản đảm bảo, phù hợp.

[4]. Xem xét Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 20/6/2023 giữa bà Đinh Thị T1 và anh Ngô Quang H1 nhận thấy: Thửa đất số 816, tờ bản đồ số 9, diện tích theo bản đồ VN là 199,4m² tuy có nguồn gốc là của bà T1, nhưng có công sức đóng góp của ông Ngô Quang T3 là thành viên hộ gia đình bà T1. Năm 2009 ông T3 chết không để lại di chúc gì, gia đình bà T1 chưa có việc phân chia di sản thừa kế phần tài sản của ông T3, do vậy việc bà T1 một mình ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, đối với toàn bộ diện tích thửa đất nêu trên cho anh H1, mà không có sự đồng ý của chị K1 và anh T (là các con của ông T3) là chưa đảm bảo; bà T1 định đoạt vượt quá phần quyền của mình và xâm phạm đến quyền lợi của anh T và chị K1. Do vậy căn cứ vào Điều 117, Điều 130 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Hợp đồng tặng quyền sử dụng đất lập ngày 20/6/2023 giữa bà T1 và anh H1 bị vô hiệu một phần (đối với phần 76,3m² bà T8 tự định đoạt, vượt quá phần quyền của mình).

[5]. Về chia thừa kế:

[5.1]. Hàng thừa kế thứ nhất của ông T3 gồm: Bà Đinh Thị T1, bà Phùng Thị Thanh N (vợ ông T3), anh Ngô Quang H1, chị Ngô Thị T2, chị Ngô Thị K1 và anh Ngô Văn T (là các con của ông T3). Do ông Ngô Quang T3 chết năm 2009 không để lại di chúc, nên quyền sử dụng 76,3m² đất ở, thuộc một phần Thửa đất số 816, tờ bản đồ số 9 của ông T3 được chia thừa kế theo pháp luật. Trong đó kỹ phần mỗi người được hưởng là 12,7m² (76,3 : 6), trị giá là 190.500.000đ (15.000.000đ/m² x 12,7m²).

[5.2]. Do chị K1 tự nguyện tặng cho kỷ phần mà chị được hưởng cho anh T, nên anh T được chia tổng 25,4m² đất trị giá 381.000.000đ. Đối với chị T2 tại cấp sơ thẩm đề nghị giải quyết theo quy định, tuy nhiên tại đơn kháng cáo chị trình bày, nếu được xác định có kỷ phần thừa kế, chị tự nguyện tặng cho anh H1 toàn bộ (anh H1 đồng ý nhận và chịu án phí thay chị T2); Bà T1, bà N tự nguyện tặng cho anh H1 kỷ phần thừa kế được chia, nên anh H1 được hưởng 04 kỷ phần thừa kế, tương đương với 50,8m² đất trị giá 762.000.000đ.

[6]. Quá trình giải quyết vụ án cả anh H1 và anh T đều xin được nhận bằng hiện vật, Hội đồng xét thấy: Mặc dù nguyện vọng xin được chia bằng hiện vật của anh T và anh H1 đều là chính đáng, tuy nhiên trong trường hợp này tổng diện tích đất di sản chia thừa kế chỉ là 76,3m², trong đó anh H1 được hưởng 50,8m², anh T được hưởng 25,4m². Theo Quyết định 116/2025/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh P (có hiệu lực từ ngày 15/12/2025), quy định về diện tích tối thiểu để tách thửa đất ở tại khu vực nông thôn là 80m².

[6.1]. Đối với anh T việc giao toàn bộ diện tích 76,3m² cho anh T, sẽ không đảm bảo đủ diện tích để tách thửa và cấp giấy chứng nhận theo quy định, hơn nữa trong vụ án này anh T chỉ được hưởng 02 suất (2/6), do đó việc giao cho anh T không đảm bảo đúng quy định. Trong khi đó anh H1 được hưởng 50,8m² (4/6), bản thân anh H1 được bà T1 tặng cho toàn bộ diện tích 116,7m² cùng thửa đất, trên đất có nhà ở kiên cố; hơn nữa trên diện tích đất đang tranh chấp còn có công trình nhà mái bằng của anh H1, hiện đang cho anh Vũ Tuấn K thuê từ năm 2025 làm quán bán hàng, hợp đồng thuê có thời hạn 10 năm, anh K đã thanh toán tiền 05 năm, sau khi thuê anh K đã đầu tư sửa chữa vào ngôi nhà, anh K có ý kiến trong trường hợp thửa đất được giao cho anh H1 và anh tiếp tục thuê thì anh sẽ không có ý kiến gì.

[6.2]. Xem xét một cách tổng thể về kỷ phần được chia, điều kiện tách thửa để được cấp giấy chứng nhận, cũng như phát sinh tranh chấp đối với bên thứ 3 (anh K là người thuê nhà) thấy rằng, cần thiết giao toàn bộ diện tích 76,3m² đất đang tranh chấp cho anh H1 quản lý, sử dụng và anh H1 có trách nhiệm thanh toán giá trị 25,4m² bằng tiền cho anh T (gồm kỷ phần mà anh T được hưởng, cùng kỷ phần chị K1 tặng cho anh T). Cụ thể anh H1 phải thanh toán cho anh T số tiền 381.000.000đ (15.000.000đ/m² x 25,4m²).

[7]. Đối với tài sản trên đất tranh chấp, tại cấp sơ thẩm do gia đình bà T1 không đồng ý cho định giá, nên cấp sơ thẩm không định giá được. Tại phiên tòa sơ thẩm bà T1, bà N và anh H1 đều xác định tài sản trên đất là gian quán đang cho thuê trị giá 200.000.000đ và đây là tài sản của anh H1. Anh T nhất trí thanh toán giá trị tài sản trên cho anh H1, xét thấy việc anh T nhất trí thanh toán là hoàn toàn tự nguyện, nên cấp sơ thẩm chấp nhận và buộc anh T thanh toán cho

anh H1 là phù hợp. Tuy nhiên, như phân tích ở trên, Hội đồng xét xử sẽ giao cho anh H1 quản lý sử dụng toàn bộ phần diện tích đất tranh chấp, do đó anh T sẽ không phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với giá trị tài sản là gian quán đang cho thuê.

[8]. Đối với yêu cầu của bà N và anh H1, yêu cầu giải quyết các khoản nợ mà ông T3 đã vay để chăn nuôi rắn trước khi chết để lại, theo danh sách xác nhận của những người cho vay nợ. Xét thấy các khoản vay đó chỉ có xác nhận của người cho vay mà không cung cấp được giấy tờ vay nợ có chữ ký của ông T3 nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà N và anh H1. Hơn nữa bà N anh H1 trình bày, nếu được chia bằng hiện vật, bà và anh không đề nghị đối với các nội dung này, tại cấp phúc thẩm Hội đồng chia cho anh H1 được hưởng bằng hiện vật, bà N anh H1 không có ý kiến gì nên không xem xét.

[9]. Đối với Hợp đồng cho thuê mặt bằng giữa anh Ngô Quang H1 và anh Vũ Tuấn K lập ngày 10/02/2025 (Sau khi Toà án đã thụ lý vụ án). Do diện tích đất được giao cho anh H1 sử dụng, tại phiên toà anh H1 nhất trí tiếp tục thực hiện Hợp đồng cho thuê mặt bằng với anh K; anh K cũng nhất trí tiếp tục thực hiện hợp đồng, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, sau này nếu các bên có tranh chấp và có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định.

[10]. Trong vụ án này, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 20/6/2023, giữa bà Đinh Thị T1 và anh Ngô Quang H1 bị vô hiệu một phần, do bà T1 tặng cho định đoạt vượt quá. Đối với phần diện tích 76,3m², Hội đồng xét xử giao toàn bộ 76,3m² đất trên cho anh H1 quản lý, sử dụng và anh H1 phải thanh toán giá trị cho anh T phần anh T được hưởng. Bị đơn bà T1 vẫn giữ nguyên việc tặng cho anh H1 đối với phần diện tích 116,7m² đất của bà. Như vậy anh H1 được toàn quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích 193m² (trong đó có 116,7m² bà T1 tặng cho và 76,3m² được chia thừa kế), cùng tài sản trên đất.

[10.1]. Hiện anh H1 đang trực tiếp quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích 193m² đất và các tài sản trên đất, diện tích đất này đã được cấp giấy chứng nhận đứng tên anh H1. Do đó, để tránh phát sinh các thủ tục hành chính không cần thiết, mất thời gian đi lại, ảnh hưởng đến quyền lợi của người dân, Hội đồng xét xử sẽ không tuyên vô hiệu một phần đối với hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 20/6/2023, giữa bà Đinh Thị T1 và anh Ngô Quang H1, mà sẽ công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp cho anh H1 đối với toàn bộ diện tích 193m² đất. Do diện tích đất thực tế được công nhận (193m²) và giấy chứng nhận đứng tên anh H1 đối với thửa đất số 816, tờ bản đồ số 9 có sự chênh lệch (giấy chứng nhận diện tích 199,4 m²), do đó anh H1 có quyền nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh đăng ký biến động và cấp lại giấy chứng nhận cho phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

[10.2]. Tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi của anh T, anh H1 phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ cho anh T, trước khi thực hiện các quyền đối với phần diện tích đất được chia.

[11]. Tại phiên tòa phúc thẩm anh H1 trình bày ngoài số tiền 381.000.000đ thanh toán theo quy định, anh tự nguyện thanh toán hỗ trợ thêm cho anh T số tiền 127.000.000đ. Xét thấy việc anh H1 thanh toán, hỗ trợ thêm cho anh T số tiền 127.000.000đ là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận nội dung này. Như vậy, tổng cộng anh H1 phải thanh toán cho anh T số tiền 508.000.000đ.

[12]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Đinh Thị T1, bà Phùng Thị Thanh N, anh Ngô Quang H1 và chị Ngô Thị T2 sửa bản sơ thẩm theo hướng phân tích trên (việc sửa bản án một phần do sự tự nguyện thanh toán thêm của đương sự). Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

[13]. Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh T đã nộp tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 6.000.000đ. Do anh T đã nộp đủ và chi phí xong, anh T không yêu cầu bị đơn và các đương sự khác phải chịu khoản chi phí đó, nên cấp sơ thẩm không xem xét.

[14]. Về án phí:

[14.1]. Các đương sự phải chịu án phí đối với phần di sản được chia. Tuy nhiên do bà T1 là người cao tuổi, có đơn nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.525.000đ ($15.000.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 12,7\text{m}^2 = 190.500.000\text{đ} \times 5\%$); anh T tự nguyện chịu án phí thay cho chị K1, anh H1 tự nguyện chịu án phí thay cho chị T2, nên anh T và anh H1 mỗi người phải chịu 19.050.000đ ($15.000.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 25,4\text{m}^2 = 381.000.000\text{đ} \times 5\%$).

[14.2]. Án phí phúc thẩm: Bà Đinh Thị T1, bà Phùng Thị Thanh N, anh Ngô Quang H1, chị Ngô Thị T2 không phải chịu án phí phúc thẩm; bà N, anh H1 và chị T2 được hoàn trả lại số tiền tạm ứng đã nộp. Anh K phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Vũ Tuấn K.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà Đinh Thị T1, bà Phùng Thị Thanh N, anh Ngô Quang H1 và chị Ngô

Thị T2, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 67/2025/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Phú Thọ.

Áp dụng các Điều 116, 117, 122, 123, 212, 357, 457, 459, 468, 609, 612, 613, 649, 650, 651 và 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166 và Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 26, 35, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Ngô Văn T về việc chia tài sản chung và chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của ông Ngô Quang T3 để lại.

1. Về chia tài sản chung: Quyền sử dụng diện tích 193m² đất, trong đó có 192m² đất ở và 01 m² đất trồng cây lâu năm, thửa đất số 816, tờ bản đồ số 9 tại địa chỉ thôn D, xã T, tỉnh Phú Thọ (hiện đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Ngô Quang H1) là tài sản chung của bà Đinh Thị T1 và ông Ngô Quang T3; chia cho ông T3 quyền sử dụng 76,3m² đất ở, chia cho bà T1 quyền sử dụng 115,7m² đất ở và 01m² đất trồng cây lâu năm. Bà Đinh Thị T1 đã tặng cho anh Ngô Quang H1, nên anh H1 được quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích 115,7m² đất ở và 01m² đất trồng cây lâu năm.

2. Về việc chia thừa kế: Chia di sản thừa kế của ông Ngô Quang T3 để lại là quyền sử dụng 76,3m² đất ở theo pháp luật, cụ thể: Chia cho anh Ngô Quang H1 được quyền quản lý, sử dụng diện tích 76,3m² đất ở, thửa đất số 816, tờ bản đồ số 9, giấy chứng nhận đứng tên anh Ngô Quang H1 cùng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất nói trên. Anh Ngô Quang H1 được quyền quản lý, sử dụng đối với toàn bộ diện tích 192m² đất ở và 01 m² đất trồng cây lâu năm (trong đó có 76,3m² đất ở được chia thừa kế; 115,7m² đất ở và 01m² đất trồng cây lâu năm được bà Đinh Thị T1 tặng cho), thửa đất số 816, tờ bản đồ số 9 ở tại thôn D, xã T, tỉnh Phú Thọ đứng tên anh Ngô Quang H1, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DM 032328 vào sổ cấp Giấy chứng nhận 01534, do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đ1 (cũ) cấp ngày 13/7/2023 và các tài sản trên đất, (có sơ đồ kèm theo).

3. Anh Ngô Quang H1 có nghĩa vụ thanh toán cho anh Ngô Văn T kỷ phần thừa kế giá trị bằng tiền 381.000.000đ (trong đó có kỷ phần của anh T được chia và kỷ phần chị K1 tặng cho anh T). Ghi nhận sự tự nguyện của anh Ngô Quang H1 thanh toán hỗ trợ thêm cho anh T số tiền 127.000.000đ. Tổng cộng anh H1 phải thanh toán cho anh T số tiền 508.000.000đ.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số

tiền nêu trên, người phải thi hành án không trả được thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Anh Ngô Quang H1 có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh, đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đinh Thị T1; bà Phùng Thị Thanh N phải chịu 9.525.000đ, anh Ngô Quang H1 phải chịu 19.050.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Anh Ngô Văn T phải chịu 19.050.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005328 ngày 24/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường (Nay là Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 10 - Phú Thọ); anh Ngô Văn T phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.050.000đồng.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đinh Thị T1, bà Phùng Thị Thanh N, anh Ngô Quang H1 và chị Ngô Thị T2 không phải chịu; bà N, anh H1 và chị T2 mỗi người được hoàn trả lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo các biên lai thu số 0006254, 0006252, 0006255 cùng ngày 02/12/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 – Phú Thọ). Anh Vũ Tuấn K phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo biên lai thu số 0006253 cùng ngày 02/12/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường (nay là Phòng thi hành án Dân sự khu vực 10 – Phú Thọ). Xác nhận anh K đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Sơn

Nguyễn Thị Thu Hiền

Nguyễn Xuân Trọng